Chi tiết mã HS 8428.10.40

Mã HS	8428.10.40
Mô tả hàng hóa	Máy nâng hạ, giữ, xếp hoặc dỡ hàng khác (ví dụ, thang máy (lift), thang cuốn, băng tải, thùng cáp treo) / - Thang máy (lift) và tời nâng kiểu gầu nâng (trục tải thùng kíp): / - - Tời nâng kiểu gầu nâng (trục tải thùng kíp)
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 01:29:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84281040/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13631
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13631
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13631
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12931
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12872
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12872
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12872
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12872
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12872
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12872
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12926
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12926

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12926
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12926
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12926
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12926
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12927
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12927
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12927
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12927
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12927
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12927
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12930
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12878
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12886
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12886
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12886
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12886
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12886
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12886
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12917
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12917
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12917
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12917
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12917
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12917
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12966
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12966

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12966
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12966
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12966
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12966
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12949
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12949
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12949
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12949
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12949
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12949
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12949
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12949
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12949
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12949
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12949
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12949
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12964
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12964
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12964
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12964
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12964
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12964
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12963
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12963
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12963
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12963

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12963
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12963
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12943
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12943
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12943
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12943
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12943
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12943
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12943
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12951
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12951
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12951
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12951
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12951
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12951
RCEP B	2022	2022	0	B!D12951
RCEP B	2023	2023	0	B!E12951
RCEP B	2024	2024	0	B!F12951
RCEP B	2025	2025	0	B!G12951
RCEP B	2026	2026	0	B!H12951
RCEP B	2027	2027	0	B!I12951
RCEP C	2022	2022	0	C!D12951
RCEP C	2023	2023	0	C!E12951
RCEP C	2024	2024	0	C!F12951
RCEP C	2025	2025	0	C!G12951
RCEP C	2026	2026	0	C!H12951

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I12951
RCEP D	2022	2022	0	D!D12950
RCEP D	2023	2023	0	D!E12950
RCEP D	2024	2024	0	D!F12950
RCEP D	2025	2025	0	D!G12950
RCEP D	2026	2026	0	D!H12950
RCEP D	2027	2027	0	D!I12950
RCEP E	2022	2022	0	E!D12954
RCEP E	2023	2023	0	E!E12954
RCEP E	2024	2024	0	E!F12954
RCEP E	2025	2025	0	E!G12954
RCEP E	2026	2026	0	E!H12954
RCEP E	2027	2027	0	E!I12954
RCEP F	2022	2022	0	F!D12951
RCEP F	2023	2023	0	F!E12951
RCEP F	2024	2024	0	F!F12951
RCEP F	2025	2025	0	F!G12951
RCEP F	2026	2026	0	F!H12951
RCEP F	2027	2027	0	F!I12951
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12009
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12009
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12009
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12009

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8428.10 có 3 dòng thuế; dòng 8428.10.40 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Tời nâng kiểu gầu nâng (trục tải thùng kíp).	8428.10.31 Để chở người; 8428.10.39 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8428.10.40. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8428.10.40 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13631), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.